MITSUBISHI ELECTRIC

Changes for the Better

CÔNG TY TNHH MITSUBISHI ELECTRIC VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 11 - 12, Tòa nhà Viettel, 285 Cách Mạng Tháng 8, Phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh
CN Hà Nội: Tầng 14 - Capital Tower, 109 đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Hà Nội
CN Đà Nẵng: Tầng 18, Tòa nhà Thành Lợi 2, 01 Lê Đình Lý, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

www.mitsubishi-electric.vn www.facebook.com/mitsubishielectricvietnam 1800 58 58 33 (Miễn phí cuộc gọi đến)

Version 01-2026

MITSUBISHI ELECTRIC

Changes for the Better



ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG

Thiết kế hiện đại & sang trọng

MITSUBISHI ELECTRIC
Changes for the Better

Khởi nguồn những điều tốt đẹp hơn

Tại Mitsubishi Electric, chúng tôi tin rằng một tương lai tốt đẹp hơn được xây dựng từ chính những đổi mới bền vững hôm nay.

Với tâm thế không ngừng sáng tạo công nghệ, chúng tôi cam kết lan tỏa những giá trị tích cực, cùng cộng đồng kiến tạo một xã hội năng động và phát triển bền vững.











CÔNG NGHỆ INVERTER CỦA MITSUBISHI ELECTRIC

CSPF 6.38

Chỉ số CSPF của điều hòa không khí MSY-GR25VF

“Hiệu suất vượt trội – Tiết kiệm hiệu quả - Vận hành cực êm”

Với công nghệ tân tiến nhất, công nghệ Inverter của Mitsubishi Electric giảm thiểu việc tiêu thụ điện năng với chỉ số hiệu suất lạnh toàn mùa (CSPF) lên đến 6.38 nhờ kiểm soát tối ưu tần suất hoạt động của máy nén, giúp điều hòa hoạt động êm ái hiệu quả, mang lại sự thoải mái cho không gian sống của bạn. “Chất lượng vượt trội cùng chi phí vận hành cực thấp“ - Đó là lời cam kết của tập đoàn Mitsubishi Electric.



Vật liệu nhựa PS-HI dày cao cấp giúp triệt tiêu tiếng ồn, độ rung động cơ & linh kiện bên trong khi hoạt động.



Hộp kim loại bảo vệ bo mạch giúp vận hành an toàn và phòng chống sự cố cháy nổ do chập mạch.



Gas lạnh R32 không phá hủy tầng Ô-zôn (ODP) và chỉ số làm nóng lên toàn cầu (GWP) chỉ bằng 1/3 so với Gas R410a. Tập đoàn Mitsubishi Electric không chỉ tiếp tục cải tiến công nghệ mà còn luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường trong tất cả các sản phẩm của mình bằng việc sử dụng Gas R32.



Vi xử lý Inverter kết hợp điều khiển PAM



98% nguồn điện đầu vào được sử dụng hiệu quả.

Quạt dàn nóng và Mô tơ quạt DC

Quạt dàn nóng



Thiết kế mới làm tăng tối đa hiệu suất giải nhiệt cho dàn nóng với tiếng ồn thấp.

Quạt mô tơ DC



Điều khiển quạt dàn nóng hoạt động với hiệu suất cao và tiết kiệm điện so với các dòng máy sử dụng mô tơ thông thường.

Máy nén của Mitsubishi Electric

Là trái tim của điều hòa không khí. Sử dụng công nghệ độc quyền của Mitsubishi Electric,chúng tôi mang đến hiệu suất cao và ổn định nhất cho sản phẩm.

Poki – Poki Motor



Dây đồng được quấn xung quanh lõi sắt, tạo thành những khối nam châm liên kết nhau. Điều này làm giảm kích cỡ và tăng hiệu suất động cơ.



Vỏ dàn nóng



Một lớp phủ đặc biệt (Blue fin) được tráng lên hệ thống trao đổi nhiệt của dàn nóng giúp kháng lại khả năng ăn mòn của muối biển.



Lớp sơn chống gỉ kết hợp với kết cấu thép mạ kẽm của vỏ dàn nóng giúp bảo vệ các bộ phận bên trong trước điều kiện môi trường khắc nghiệt.

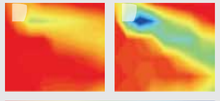
Mát lạnh siêu tốc

Làm lạnh nhanh luôn là tính năng thiết yếu nhất của máy điều hòa không khí. Tính năng "Mát lạnh siêu tốc" của MITSUBISHI ELECTRIC đem lại cho bạn những luồng gió mát lạnh ngay tức thì.



Thay đổi nhiệt độ

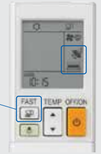
[Bình thường] [Mát lạnh siêu tốc]



Nhanh chóng làm lạnh cho căn phòng với luồng thổi mạnh tối đa ở nhiệt độ thấp nhất trong vòng 2 phút sau khi vận hành.

Nút mát lạnh siêu tốc

Khi kích hoạt, chế độ vận hành trong 15 phút.



Hướng gió thổi có thể thay đổi tùy ý ngay cả khi đã kích hoạt chế độ.

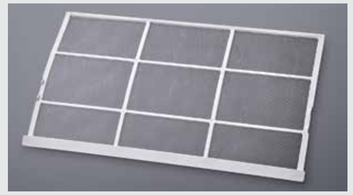
LỚP PHỦ KÉP CHỐNG BÁM BẨN

Công nghệ chống bám bẩn độc quyền của Mitsubishi Electric giúp ngăn ngừa tích tụ bụi bẩn, khói thuốc và dầu mỡ.



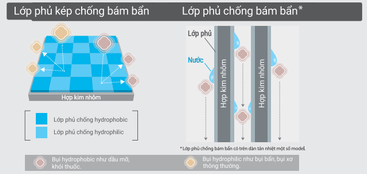
Bộ lọc V-Air

Có khả năng ức chế virus, kể cả SARS-CoV-2, hỗ trợ giữ không khí luôn sạch. (được thử nghiệm tại Trung tâm Công nghệ và Chất lượng Sản phẩm Dệt may Nhật Bản (Japan Textile Products Quanlity and Technology Center) bằng phương pháp JIS l 1922; kết quả cho thấy vô hiệu hóa được 99% virus SARS-CoV-2 trong vòng 2 giờ)





Công nghệ lớp phủ tân tiến nhất



Dàn tản nhiệt sau **10 năm** sử dụng



Không lớp phủ kép | Có lớp phủ kép

Quạt lồng sóc sau **10 năm** sử dụng



Không lớp phủ kép | Có lớp phủ kép

Cửa thoát gió sau **10 năm** sử dụng



Không lớp phủ kép | Có lớp phủ kép

Công nghệ lớp phủ kép chống bám bẩn giúp ngăn ngừa tích tụ bụi bẩn, khói thuốc và dầu mỡ trên bề mặt dàn tản nhiệt, quạt lồng sóc và cửa thoát gió, giúp thiết bị luôn sạch.(*)

(*) Cụ thể vui lòng tham khảo tại bảng tính năng của từng sản phẩm.

Vận hành êm ái

Độ ồn của dàn lạnh khi vận hành chỉ có 18dB(A)
mang đến một không gian yên tĩnh cho gia đình bạn.
(Model GR25)

Công nghệ khí động học

Giúp điều hòa không khí dòng GR trở thành sản phẩm vận hành yên tĩnh nhất mà Mitsubishi Electric từng ra mắt.

Quạt lồng sóc



Kỹ thuật thiết kế Quạt lồng sóc đặc biệt giúp ổn định luồng không khí được hút vào và đẩy ra cùng lúc bởi lồng quạt. Mang đến những luồng thổi mạnh mẽ nhưng yên tĩnh.



Mitsubishi Electric là hãng đầu tiên trên Thế giới phát minh ra điều hòa không khí treo tường "KIRIGAMINE" sử dụng quạt lồng sóc vào năm 1968

Thiết kế Khí động học tối ưu



Giúp tối ưu hóa sức mạnh và hướng thổi của luồng gió nhờ thiết kế cánh đảo gió kép.

Điều khiển chuẩn tiện nghi

Thiết kế hiện đại với màn hình hiển thị
to rõ dễ nhìn, cùng các phím chức năng
thường dùng được đặt ở vị trí thuận tiện.

Màn hình báo lỗi



Mã lỗi được hiển thị trên điều khiển để được chuẩn đoán nhanh chóng

* Để biết thêm chi tiết, vui lòng đọc thêm ở sách hướng dẫn sử dụng



Màn hình với đèn LED và nút bấm phát sáng

Phím điều khiển bằng dạ quang giúp dễ dàng bật tắt đèn nền LED, mọi thao tác trong đêm sẽ dễ dàng hơn bao giờ hết.



Nút bấm đơn giản & trực quan



Chiếc điều khiển "dành riêng" cho bạn



Thiết kế tiện dụng giúp chiếc điều khiển luôn nắm gọn trong bàn tay bạn.

Luồng thổi rộng & xa

Mát lạnh khắp phòng nhờ luồng thổi rộng và xa lên đến 12m

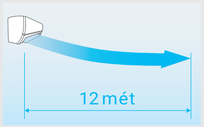


Chế độ Giấc ngủ





Luồng gió thổi xa lên đến 12 mét, thích hợp cho cả phòng khách.



so sánh theo model

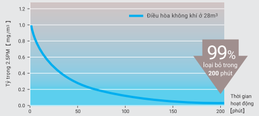
- MSY-GR25/35VF ····· 8m
- MSY-GR50/60/71VF ····· 12m

* Số liệu được ghi nhận khi hướng luồng gió ngang và tốc độ quạt S-Hi

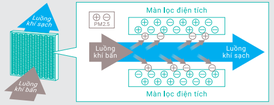
Bộ lọc vi bụi (tùy chọn)

Loại bỏ hiệu quả hạt vi bụi chỉ 2.5PM





Hiệu quả loại bỏ vi bụi 2.5PM



Loại bỏ hiệu quả hạt vi bụi chỉ 2.5PM
để cung cấp luồng khí sạch



Chế độ Giấc ngủ

Sleep

Nhiệt độ cài đặt sẽ thay đổi theo thời gian.

Nhiệt độ cài đặt sẽ được kiểm soát thấp hơn một chút trong khoảng 2 giờ giúp bạn dễ đi vào giấc ngủ hơn.

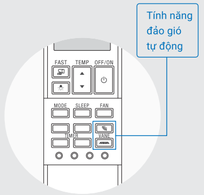
Có trên model MSY-GR, MSZ-HT, MSY-JY và MSY-JA.



Cánh đảo gió 4 chiều

Lên xuống / Trái phải

Cánh đảo gió 4 chiều tự động, có thể tùy chỉnh
bằng bộ điều khiển một cách tiện lợi và thông minh



Trái & phải

* Có trên MSY-GR50/60/71VF

Cánh đảo gió theo chiều ngang từ trái qua phải với 6 hướng thổi – có thể thiết lập đảo tự động



Lên & xuống

Cánh đảo gió theo chiều dọc từ dưới lên với 5 hướng thổi – có thể thiết lập đảo tự động



MSY-GR25/35VF



MSY-GR50/60/71VF





[MUY-GR25/35VF]



[MUY-GR50/60VF]



[MUY-GR71VF]

DÒNG INVERTER MỘT CHIỀU – CAO CẤP

- TIẾT KIỆM ĐIỆN
- LỚP PHỦ KÉP CHỐNG BÁM BẨN (*)
- VẬN HÀNH CỰC ÊM

(*) Có trên: Dàn tản nhiệt, quạt lồng sóc và cửa thoát gió.



MSY-GR25VF



MSY-GR35VF



MSY-GR50VF



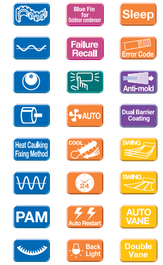
MSY-GR60VF



MSY-GR71VF

Tên model		Dàn lạnh Dàn nóng	MSY-GR25VF MUY-GR25VF	MSY-GR35VF MUY-GR35VF	MSY-GR50VF MUY-GR50VF	MSY-GR60VF MUY-GR60VF	MSY-GR71VF MUY-GR71VF
Chức năng			Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh
Công suất Danh định *(Thấp - Cao)*		kW	2.8 (1.1-3.4)	3.7 (1.4-4.1)	5.2 (1.8-6.0)	6.0 (1.8-6.7)	7.1 (1.8-7.8)
		Btu/h	9,554 (3,753-11,601)	12,625 (4,777-13,989)	17,743 (6,142-20,472)	20,473 (6,142-22,860)	24,226 (6,142-26,614)
Tiêu thụ điện		kW	0.76 (0.23-1.07)	1.08 (0.32-1.37)	1.40 (0.34-1.84)	1.79 (0.34-2.16)	1.99 (0.33-2.61)
Hiệu suất năng lượng (CSPF)		TCVN 7830 : 2021	★★★★★ 6.38	★★★★★ 5.69	★★★★★ 5.61	★★★★★ 5.60	★★★★★ 5.10
Môi chất lạnh			R32	R32	R32	R32	R32
Dòng điện vận hành		A	3.8	5.2	6.4	8.2	9.2
Lưu lượng gió *(Cao nhất)*		m³/min	11.4	12.0	20.1	20.7	20.7
Kích thước *(Dài x Rộng x Sâu)*	Dàn lạnh	mm	838 x 280 x 229	838 x 280 x 229	1,100 x 325 x 257	1,100 x 325 x 257	1,100 x 325 x 257
	Dàn nóng	mm	699 x 538 x 249	699 x 538 x 249	800 x 550 x 285	800 x 550 x 285	800 x 714 x 285
Trọng lượng	Dàn lạnh	kg	10	10	17	17	17
	Dàn nóng	kg	21.5	25	31.5	35	38
Độ ồn	Dàn lạnh *(Thấp nhất - Cao nhất)*	dB(A)	18-24-31-38-42	19-24-31-38-43	27-33-38-44-49	27-36-41-45-51	28-36-41-45-53
	Dàn nóng *(Cao nhất)*	dB(A)	47	49	52	55	57
Khả năng hút ẩm		ℓ/h	0.7	1.4	1.1	1.6	2.3
Kích cỡ ống *(Đường kính ngoài)*	Gas	mm	9.52	9.52	12.7	12.7	12.7
	Chất lỏng	mm	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35
Nguồn cấp điện			Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng
Độ dài đường ống tối đa		m	20	20	20	20	30
Chênh lệch độ cao tối đa		m	12	12	12	12	15

TÍNH NĂNG NỔI TRỘI



DÒNG INVERTER HAI CHIỀU – TIÊU CHUẨN

- TIẾT KIỆM ĐIỆN
- LỚP PHỦ KÉP CHỐNG BÁM BẨN (*)
- VẬN HÀNH CỰC ÊM

(*) Có trên: Quạt lồng sóc .

MSZ-HT25/35/50VF





[MUZ-HT25VF]



[MUZ-HT35VF]



[MUZ-HT50VF]



MSZ-HT25VF



MSZ-HT35VF



MSZ-HT50VF

Tên model		Dàn lạnh / Dàn nóng	MSZ-HT25VF / MUZ-HT25VF		MSZ-HT35VF / MUZ-HT35VF		MSZ-HT50VF / MUZ-HT50VF	
Chức năng			Làm lạnh	Sưởi ấm	Làm lạnh	Sưởi ấm	Làm lạnh	Sưởi ấm
Công suất Danh định *(Thấp - Cao)*		kW	2.5 (0.9 - 3)	3.15 (0.7 - 3.5)	3.3 (0.9-3.5)	3.6 (0.9-4.1)	5.0 (1.3-5.0)	5.4 (1.4-6.5)
		Btu/h	8,530 (3,071-10,286)	10,745 (2,388-11,942)	11,260 (3,071-11,942)	12,283 (3,071-13,989)	17,060 (4,436-17,060)	18,425 (4,777-22,178)
Tiêu thụ điện		kW	0.8	0.87	1.17	0.995	2.05	1.48
Hiệu suất năng lượng (CSPF)		TCVN 7830 : 2021	★★★★★ 5.2		★★★★★ 5.2		★★★★★ 5.3	
Môi chất lạnh			R32		R32		R32	
Dòng điện vận hành		A	3.7	4.1	5.4	4.8	9.0	6.5
Lưu lượng gió *(Cao nhất)*		m /min	9.9	10.3	12.6	12.6	12.3	12.3
Kích thước *(Dài x Rộng x Sâu)*	Dàn lạnh	mm	799 x 290 x 232		799 x 290 x 232		799 x 290 x 232	
	Dàn nóng	mm	699 x 538 x 249		699 x 538 x 249		800 x 550 x 285	
Trọng lượng	Dàn lạnh	kg	9		9		10	
	Dàn nóng	kg	23		24		35	
Độ ồn	Dàn lạnh *(Thấp nhất - Cao nhất)*	dB(A)	22-43	22-43	22-45	22-45	28-46	28-46
	Dàn nóng *(Cao nhất)*	dB(A)	50	50	50	50	51	51
Khả năng hút ẩm		ℓ/h	0.5		1.1		2.2	
Kích cỡ ống *(Đường kính ngoài)*	Gas	mm	9.52		9.52		9.52	
	Chất lỏng	mm	6.35		6.35		6.35	
Nguồn cấp điện			Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng	
Độ dài đường ống tối đa		m	20		20		20	
Chênh lệch độ cao tối đa		m	12		12		12	

TÍNH NĂNG NỔI TRỘI



DÒNG INVERTER MỘT CHIỀU – TIÊU CHUẨN

- TIẾT KIỆM ĐIỆN
- LỚP PHỦ KÉP CHỐNG BÁM BẨN (*)
- VẬN HÀNH CỰC ÊM

(*) Có trên: Quạt lồng sóc .

MSY-JY25/35/50VF



MSY-JY60VF





[MUY-JY25VF]



[MUY-JY35VF]



[MUY-JY50VF]



[MUY-JY60VF]



MSY-JY25VF



MSY-JY35VF



MSY-JY50VF



MSY-JY60VF

Tên model		Dàn lạnh / Dàn nóng	MSY-JY25VF / MUY-JY25VF	MSY-JY35VF / MUY-JY35VF	MSY-JY50VF / MUY-JY50VF	MSY-JY60VF / MUY-JY60VF
Chức năng			Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh
Công suất Danh định *(Thấp - Cao)*		kW	2.7 (0.8-2.9)	3.6 (0.9-3.8)	5.3 (1.3-5.3)	6.3 (1.6-6.3)
		Btu/h	9,212 (2,730-9,895)	12,283 (3,071-12,966)	18,083 (4,436-18,083)	21,495 (5,459-21,495)
Tiêu thụ điện		kW	0.91	1.32	1.95	2.04
Hiệu suất năng lượng (CSPF)		TCVN 7830 : 2021	★★★★★ 5.29	★★★★★ 5.49	★★★★★ 5.09	★★★★★ 5.33
Môi chất lạnh			R32	R32	R32	R32
Dòng điện vận hành		A	4.3	6.1	8.8	9.1
Lưu lượng gió *(Cao nhất)*		m /min	12.1	12.1	15.8	19.5
Kích thước *(Dài x Rộng x Sâu)*	Dàn lạnh	mm	799 x 290 x 233	799 x 290 x 233	799 x 290 x 233	999 x 290 x 233
	Dàn nóng	mm	660 x 454 x 235	699 x 538 x 249	780 x 545 x 294	780 x 545 x 294
Trọng lượng	Dàn lạnh	kg	8.4	8.6	9.4	11.1
	Dàn nóng	kg	17.6	21	26.5	28.5
Độ ồn	Dàn lạnh *(Thấp nhất - Cao nhất)*	dB(A)	21-43	22-43	28-49	29-51
	Dàn nóng *(Cao nhất)*	dB(A)	50	51	54	55
Khả năng hút ẩm		ℓ/h	0.3	1.0	2.0	2.4
Kích cỡ ống *(Đường kính ngoài)*	Gas	mm	9.52	9.52	12.7	12.7
	Chất lỏng	mm	6.35	6.35	6.35	6.35
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh
Độ dài đường ống tối đa		m	20	20	20	30
Chênh lệch độ cao tối đa		m	12	12	12	15

TÍNH NĂNG NỔI TRỘI



DÒNG INVERTER MỘT CHIỀU – TIỆN NGHI

- TIẾT KIỆM ĐIỆN
- VẬN HÀNH CỰC ÊM
- LÀM LẠNH NHANH CHÓNG

MSY-JA25/35/50VF



MSY-JA60VF





[MUY-JA25VF]



[MUY-JA35VF]



[MUY-JA50VF]



[MUY-JA60VF]

TEM NĂNG LƯỢNG 5 — Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn — CÔNG SUẤT: 2.7 kW (9,212 BTU/h) — HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 5.21

MSY-JA25VF

TEM NĂNG LƯỢNG 5 — Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn — CÔNG SUẤT: 3.6 kW (12,283 BTU/h) — HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 5.21

MSY-JA35VF

TEM NĂNG LƯỢNG 5 — Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn — CÔNG SUẤT: 5.3 kW (18,083 BTU/h) — HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 5.0

MSY-JA50VF

TEM NĂNG LƯỢNG 5 — Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn — CÔNG SUẤT: 6.3 kW (21,495 BTU/h) — HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 5.0

MSY-JA60VF

Tên model		Dàn lạnh / Dàn nóng	MSY-JA25VF / MUY-JA25VF	MSY-JA35VF / MUY-JA35VF	MSY-JA50VF / MUY-JA50VF	MSY-JA60VF / MUY-JA60VF
Chức năng			Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh
Công suất Danh định *(Thấp - Cao)*		kW	2.7 (1.0-2.9)	3.6 (1.2-3.8)	5.3 (1.3-5.3)	6.3 (1.6-6.3)
		Btu/h	9,212 (3,412-9,895)	12,283 (4,094-12,966)	18,083 (4,436-18,083)	21,495 (5,459-21,495)
Tiêu thụ điện		kW	0.91	1.32	1.95	2.04
Hiệu suất năng lượng (CSPF)		TCVN 7830 : 2021	★★★★★	★★★★★	★★★★★	★★★★★
			5.21	5.21	5.0	5.0
Môi chất lạnh			R32	R32	R32	R32
Dòng điện vận hành		A	4.3	6.0	8.7	9.1
Lưu lượng gió *(Cao nhất)*		m /min	12.1	12.1	15.8	19.5
Kích thước *(Dài x Rộng x Sâu)*	Dàn lạnh	mm	799 x 290 x 233	799 x 290 x 233	799 x 290 x 233	999 x 290 x 233
	Dàn nóng	mm	660 x 454 x 235	699 x 538 x 249	780 x 545 x 294	780 x 545 x 294
Trọng lượng	Dàn lạnh	kg	8.6	8.6	9.1	11.2
	Dàn nóng	kg	17.6	20.5	26.5	29
Độ ồn	Dàn lạnh *(Thấp nhất - Cao nhất)*	dB(A)	21-43	22-43	28-49	29-51
	Dàn nóng *(Cao nhất)*	dB(A)	50	51	55	56
Khả năng hút ẩm		ℓ/h	0.2	0.9	1.7	1.8
Kích cỡ ống *(Đường kính ngoài)*	Gas	mm	9.52	9.52	12.7	12.7
	Chất lỏng	mm	6.35	6.35	6.35	6.35
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh
Độ dài đường ống tối đa		m	20	20	20	30
Chênh lệch độ cao tối đa		m	12	12	12	15

TÍNH NĂNG NỔI TRỘI

Auto Restart · Blue Fin for Outdoor condenser · Sleep · Failure Recall · Error Code · Heat Caulking Fixing Method · AUTO · SWING · COOL · AUTO VANE · PAM

DÒNG NON-INVERTER MỘT CHIỀU – TIÊU CHUẨN

- HIỆU SUẤT VẬN HÀNH CAO
- DỄ DÀNG VỆ SINH
- VẬN HÀNH CỰC ÊM
- LỚP PHỦ KÉP CHỐNG BÁM BẨN (*)

(*) Có trên: Quạt lồng sóc .

MS-JS25/35VF



MS-JS50VF



MS-JS60VF





[MU-JS25/35VF]



[MU-JS50VF]



[MU-JS60VF]

TEM NĂNG LƯỢNG 3 — Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn — CÔNG SUẤT: 2,7 kW (9,212 BTU/h) — HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 3.72

MS-JS25VF

TEM NĂNG LƯỢNG 3 — Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn — CÔNG SUẤT: 3,6 kW (12,283 BTU/h) — HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 3.71

MS-JS35VF

TEM NĂNG LƯỢNG 3 — Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn — CÔNG SUẤT: 5,2 kW (17,742 BTU/h) — HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 3.45

MS-JS50VF

TEM NĂNG LƯỢNG 3 — Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn — CÔNG SUẤT: 6,4 kW (21,837 BTU/h) — HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 3.52

MS-JS60VF

Tên model		Dàn lạnh / Dàn nóng	MS-JS25VF / MU-JS25VF	MS-JS35VF / MU-JS35VF	MS-JS50VF / MU-JS50VF	MS-JS60VF / MU-JS60VF
Chức năng			Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh
Công suất Danh định *(Thấp - Cao)*		kW	2.7	3.6	5.2	6.4
		Btu/h	9,212	12,283	17,742	21,837
Tiêu thụ điện		kW	0.77	1.03	1.6	1.93
Hiệu suất năng lượng (CSPF)		TCVN 7830 : 2021	★★★	★★★	★★★	★★★
			3.72	3.71	3.45	3.52
Môi chất lạnh			R32	R32	R32	R32
Dòng điện vận hành		A	3.5	4.8	7.5	9.0
Lưu lượng gió *(Cao nhất)*		m /min	11.3	15.4	18.8	21.3
Kích thước *(Dài x Rộng x Sâu)*	Dàn lạnh	mm	799 x 290 x 232	799 x 290 x 232	923 x 305 x 250	1,100 x 325 x 238
	Dàn nóng	mm	718 x 525 x 255	718 x 525 x 255	800 x 550 x 255	840 x 880 x 330
Trọng lượng	Dàn lạnh	kg	9	9.5	13	16
	Dàn nóng	kg	24.5	31.5	31.5	50.5
Độ ồn	Dàn lạnh *(Thấp nhất - Cao nhất)*	dB(A)	25 - 44	28 - 48	34 - 49	37 - 50
	Dàn nóng *(Cao nhất)*	dB(A)	47	50	51	54
Khả năng hút ẩm		ℓ/h	0.5	0.6	1.2	1.2
Kích cỡ ống *(Đường kính ngoài)*	Gas	mm	9.52	12.7	12.7	15.88
	Chất lỏng	mm	6.35	6.35	6.35	6.35
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh
Độ dài đường ống tối đa		m	20	20	30	30
Chênh lệch độ cao tối đa		m	10	10	10	10

TÍNH NĂNG NỔI TRỘI

Anti-mold · Blue Fin for Outdoor condenser · AUTO · Dual Barrier Coating · Quiet Mode · Powerful · Single Coating · Failure Recall · 24 · SWING · Econo Cool · Auto Restart · AUTO VANE

TỔNG HỢP TÍNH NĂNG TRÊN CÁC DÒNG SẢN PHẨM

Phân loại	Tính năng nổi trội	Logo tính năng	MSY/ MUY-GR	MSZ/ MUZ-HT	MSY/ MUY-JY	MSY/ MUY-JA	MS/ MU-JS
Công nghệ	Mô-tơ Joint Lap DC		●	●	●	●	
	Ổ đĩa sóng hình sin từ thông		●	●	●	●	
	Máy nén xoay DC		●	●	●	●	
	Động cơ quạt DC		●	●	●	●	
	Phương pháp cố định hàn nhiệt	Net Cooling Fang Method	●	●	●	●	
	Biến tần Eco sóng vector		●	●	●	●	
	Công nghệ kiểm soát PAM	PAM	●	●	●	●	
	Đường ống có rãnh		●	●	●	●	●
Bảo trì	Lớp phủ kháng sự ăn mòn muối biển	Hi-grade Anti-Corrosion	●	●	●	●	●
	Dễ dàng vệ sinh	Easy Clean					●
	Chức năng gọi lại chế độ lỗi	Failure Recall	●	●	●	●	●
Tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm điện thông minh	Econo Cruise					●
	Chức năng kiểm soát "I-Feel"	i-Feel	●	●	●	●	●
Tiện nghi	Chế độ quạt gió tự động	AUTO	●	●	●	●	●
	Luồng gió thổi xa và rộng	360°C	GR50/60/71				
	Chế độ làm lạnh tăng cường	Powerful					●
	Chế độ làm lạnh nhanh		●	●	●	●	
	Hẹn giờ bật tắt 24h		●	●	Hẹn giờ bật tắt 12h	Hẹn giờ bật tắt 12h	●
	Chức năng tự khởi động	Auto Restart	●	●	●	●	●
	Đèn nền LED với nút dạ quang	Back Light	●				
	Chế độ giấc ngủ	Sleep	●	●	●	●	
	Hiển thị lỗi trên Remote	Error Code	●	●	●	●	
	Vận hành tĩnh lặng	Silent	18dB				
Chất lượng không khí	Bộ lọc chống nấm mốc	Anti-Allergen	●	●			●
	Lớp phủ kép chống bám bẩn	Dual Barrier Coating	●	● (Fan)	● (Fan)		● (Fan)
	Lớp phủ chống bám bẩn	Single Coating		●			●
	Bộ lọc V-Air	V-Air Filter			●	●	
Luồng gió	Điều chỉnh hướng gió ngang		●	●	●	●	●
	Điều chỉnh hướng gió dọc	3dMC	GR50/60/71				
	Điều chỉnh hướng gió tự động (lên xuống)	AUTO VANE	●	●	●	●	●
	Bộ đôi cánh quạt tạo hướng gió ngang	Double Vane	●				

PHÁT TRIỂN

Lường trước việc sử dụng sản phẩm trong những điều kiện khắc nghiệt trên toàn thế giới, tại Mitsubishi Electric chúng tôi đã thiết lập những quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm khắc trên từng sản phẩm.

THIẾT KẾ

Để đảm bảo việc sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, Mitsubishi Electric đã lựa chọn những nguyên liệu bền bỉ chất lượng cao, và đầu tư kỹ lưỡng vào việc thiết kế và lắp ráp sản phẩm.

SẢN XUẤT

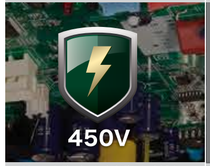
Mitsubishi Electric áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao một cách hiệu quả. Đồng thời trên từng khâu sản xuất, tất cả những sản phẩm đều được kiểm tra bởi những chuyên gia nhiều kinh nghiệm.



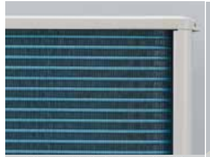




Hộp kim loại bảo vệ bo mạch giúp vận hành an toàn và phòng chống sự cố cháy nổ do chập mạch.

Lớp phủ đặc biệt trên bo mạch phòng chống những hư hại do độ ẩm hay côn trùng.


Bảng mạch điện của Mitsubishi Electric có thể chịu được điện áp cao đến 450V.


Công nghệ Inverter của Mitsubishi Electric có thể hoạt động êm ái trong dải điện áp từ 198V ~ 264V.

Một lớp phủ đặc biệt (Blue fin) được tráng lên hệ thống trao đổi nhiệt của dàn nóng giúp kháng lại khả năng ăn mòn của muối biển.

Lớp sơn chống gỉ kết hợp với kết cấu thép mạ kẽm của vỏ dàn nóng giúp bảo vệ các bộ phận bên trong trước điều kiện môi trường khắc nghiệt.
